

Số: 3372/QĐ-UBND

An Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3457/QĐ-BNN-TCTS ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 294/TTr-SNN&PTNT ngày 28 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Quyết định này sửa đổi thủ tục hành chính số 1, 2, 3, 8, 9, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 25 Mục V, Lĩnh vực Thủy sản tại Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh An Giang về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

- Quyết định này sửa đổi thủ tục hành chính số 75, 76, 77, 80, 81, 84, 85, 86, 88, 89, 90, 91, 93, 94, 95, 96, 97, Lĩnh vực Thủy sản, Mục XVII Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm soát TTHC-VP Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Vương Bình Thạnh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3372/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thủy sản

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (Nếu có)	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định.	x	Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.
2	Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp	05 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định	x	Điều 11, 12 Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác
3	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá	07 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định	x	- Khoản 1 Mục II Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP. - Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (Nếu có)	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
						và tàu cá hoạt động thủy sản.
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần hoặc thuê - mua tàu	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định	x	- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Điều 8, 9 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên. - Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1		Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (bao gồm cả giống thủy sản bố mẹ chủ lực nếu được ủy quyền).	Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng,	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	470.000 đồng + Số lượng mẫu x 80.000 đồng/mẫu	Điều 18 Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của về quản lý giống thủy sản

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	BNN-288210		<p>trong đó có thông báo cho cơ sở về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra chất lượng.</p> <p>Thời gian kiểm tra cụ thể theo đăng ký của tổ chức, cá nhân. Sau khi có kết quả kiểm tra (không quá 01 ngày làm việc) Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch có văn bản thông báo về chất lượng.</p>			
2	BNN-288027	Cấp mã số nhận diện ao nuôi cá Tra thương phẩm (cấp lần đầu và cấp lại).	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định.	Điều 4 Nghị định số 55/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 quản lý nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra
3	BNN-288029	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu)	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định.	<p>- Điều 13 Nghị định 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 về nhập khẩu tàu cá.</p> <p>- Điều 5 Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 về sửa đổi một số nghị định về thủy sản.</p>
4		Cấp giấy	03 ngày làm	Chi cục	Không quy	- Điều 14 Nghị

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	BNN-288030	chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	việc	Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	định.	định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 về nhập khẩu tàu cá. - Điều 5 Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 về sửa đổi một số nghị định về thủy sản. - Điều 10 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên. - Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.
5	BNN-288031	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	700.000 đồng/lần	- Khoản 2, 3 Điều 1 Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT, Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013, - Thông tư số 62/2008/TT-BNN và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.
6	BNN-288033	Chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định	- Khoản 2, 3 Điều 1 Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT, Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013, Thông tư số 62/2008/TT-BNN và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT. - Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác
7	BNN-288231	Chứng nhận lại sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định	- Điều 1 Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT, Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013, Thông tư số 62/2008/TT-BNN và Thông tư số 26/2016/TT-

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						BNNPTNT. - Điều 8 Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác
8	BNN-288309	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định	- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Điều 8 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên. - Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.
9	BNN-288313	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định	- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. Điều 9 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						- Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.
10	BNN-288312	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyên nhượng quyền sở hữu	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định	- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Điều 8, 9 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên. - Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.
11	BNN-288225	Đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định	- Điều 12, khoản 2, điều 14 Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Điều 15, Quyết định số

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên; - Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.
12	BNN-288226	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	Không quy định	- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; - Điều 15, Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên; - Khoản 2 Điều 5 Thông tư 24/2011/TT-BNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.
13	BNN-288314	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán	03 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công	Không quy định	- Điều 11, khoản 2 điều 14 Nghị định số 66/2005/NĐ-CP; - Điểm b, khoản

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				tỉnh An Giang		1, điều 8, Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên. - Điểm b, khoản 1, điều 5, Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.
14	BNN-288230	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	05 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	40.000 đ/ lần.	- Điều 5, 6, 7 Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Khoản 1 Điều 1 Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 về sửa đổi một số nghị định về thủy sản. - Mục II, Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP. - Mục III Thông tư số 62/2008/TT-BNNPTNT ngày

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						20/5/2008.
15	BNN-288229	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản	02 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	20.000 đ/lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 5, 6, 7 Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. - Khoản 1 Điều 1 Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 về sửa đổi một số nghị định về thủy sản. - Mục II, Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP. - Mục III Thông tư số 62/2008/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2008.
17	BNN-288234	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	05 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang	20.000 đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. - Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 về sửa đổi một số nghị định về thủy sản.